

TỜ TRÌNH

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán 2019
- Điều lệ của Công ty CP Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (Công ty);
- Nhu cầu hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty.

Dự thảo toàn văn Điều lệ sửa phù hợp với các thay đổi dưới đây và một số sửa đổi chi tiết khác về câu từ theo Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 được đăng tải trên website Công ty. Đại hội cổ đông giao HĐQT hoàn thiện, ký, ban hành bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật đồng thời cũng là Điều lệ chính thức của Công ty về sau.

HĐQT kính trình Quý Đại hội đồng cổ đông

NỘI DUNG CHÍNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI

Mục	Điều Lệ năm 2018	Nội Dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi
Giải thích từ ngữ	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào quy định trong Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào quy định trong Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp “Người có quan hệ gia đình” gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng,	<i>Theo điều 4 Luật doanh nghiệp 2020</i>

		mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột vợ, em ruột của chồng” được quy định theo khoản 22 điều 4 luật doanh nghiệp 2020	
Chương II Vốn Điều Lệ, Cổ Phần, Cổ Đông <i>Điều 8 :</i> Vốn Điều Lệ	8.3.d Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo tỷ lệ tương ứng giảm vốn hoặc mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại <u>Điều 119 và Điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp	8.3.d Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo tỷ lệ tương ứng giảm vốn hoặc mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại <u>Điều 133</u> của Luật Doanh nghiệp	<i>Theo Luật doanh nghiệp 2020</i>
+ <i>Điều 12 :</i> Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	12.1.h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ này; 12.1.i Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty</u> trong thời hạn liên tục 06 tháng có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp dưới đây: 12.1.j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty <u>trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng trước Đại hội đồng cổ đông</u> có quyền: 12.1.j.2. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới	Xóa bỏ 12.1.h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty</u> có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp dưới đây: 12.1.i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền: 12.1.i.2. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa	<i>Theo Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</i>

	<p>40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; <u>từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.</u></p>	
<p>+ <u>Điều 15</u> : Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần</p>	<p>15.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông phổ thông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;</p> <p>b. Thông báo phải có thông tin cổ đông, số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông phổ thông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông phổ thông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông phổ thông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;</p> <p>c. Cổ đông phổ thông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d. Trường hợp số lượng cổ phần</p>	<p>15.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải <u>thực hiện theo Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p>Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông phổ thông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể chào bán số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông phổ thông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p><i>Luật Chứng Khoán 2019, Luật doanh nghiệp 2020</i></p>

	<p>dự định phát hành không được cổ đông phổ thông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể chào bán số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông phổ thông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>		
<p>+ <u>Điều 17</u> : Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p>	<p>17.2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điều này theo giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác.</p>	<p>17.2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điều này theo giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p><i>Theo Điều 132 Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
<p>+ <u>Điều 18</u> : Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p>	<p>18.1. Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần đã phát hành theo quy định dưới đây. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua.</p>	<p>18.1. Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần đã phát hành theo quy định dưới đây.</p>	<p><i>Theo Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
<p>Chương III : Cơ Cấu Tổ Chức Quản Lý Công Ty</p>			

<p>+ <u>Điều 26</u> : thẩm quyền tập họp và thông báo mời họp</p>	<p>26.6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>05</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp.</p> <p>26.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 10 (mười)</u> ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>26.6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>10</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp.</p> <p>26.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21</u> ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp <u>Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty http://hcmcc.com.vn</u></p>	<p><i>Theo điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết 1 số điều của Luật chứng khoán, Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020</i></p> <p><i>Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
---	---	--	--

<p>+ <u>Điều 29</u> ; Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng</p>	<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p>	<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>+ <u>Điều 30.</u> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đồng</p>	<p>30.2.a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập</p> <p>30.2.d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu <u>không quá ba người</u> theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>30.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>30.2.a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên của Hội đồng quản trị khác</u> làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập</p> <p>30.2.d. Đại hội đồng cổ đông bầu <u>một hoặc một số người</u> vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>30.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>+ <u>Điều 31.</u> Thông qua các quyết định</p>	<p>31.2.b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản a mục 31.3 Điều này.</p> <p>31.4. Thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với</p>	<p>31.2.b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản a mục 31.3; 31.4; 31.8 Điều này.</p> <p>31.4. Thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số</p>	<p>Theo Luật doanh nghiệp 2020</p>

	<p>số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>31.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Quyết định họp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.</p>	<p>cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty</p> <p>31.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Quyết định họp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến. <u>Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty</u></p>	
<p>+ Điều 32. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>32.4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>32.4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>+ Điều 33. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>33.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p>	<p>33.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p><i>Theo Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
<p>+ Điều 37. Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>37.3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm chức danh Tổng giám đốc, các chức danh trong Ban điều hành hoặc các chức danh quản lý khác (nếu không có quy định khác của pháp luật).</p>	<p>37.3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh trong Ban điều hành hoặc các chức danh quản lý khác nếu không có quy định khác của pháp luật.</p>	<p><i>Theo Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
<p>+ Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>38.1. Hội đồng quản trị bầu một trong số những Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức danh Tổng giám đốc công ty (nếu pháp luật không có quy định khác).</p>	<p>38.1. Hội đồng quản trị bầu một trong số những Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Theo Luật doanh nghiệp 2020</i></p>
<p>+ Điều 45. Kiểm soát viên và Trưởng Ban kiểm soát</p>	<p>45.1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành; c. Không phải là người quản lý Công ty; d. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>45.1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. <u>Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, của Tổng giám đốc và người quản lý khác</u> c. Không phải là người quản lý Công ty; d. <u>Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty</u> e. <u>Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03</u></p>	<p><i>Theo điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết 1 số điều của Luật chứng khoán</i></p>

	<p>45.3. Các Kiểm soát viên bầu một trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban Kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p><u>năm liền trước đó</u> f. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>45.2.d. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>45.3. Các Kiểm soát viên bầu một trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</u>, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	
<p><u>+ Điều 46.</u> Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>46.7. Xem xét, kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, từng vấn đề, công việc cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông</p>	<p>46.7. Xem xét, kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, từng vấn đề, công việc cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo</p>	<p><i>Theo Luật doanh nghiệp 2020</i></p>

	<p>hay nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u>. Khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p>	<p>yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu từ <u>5%</u> tổng số cổ phần phổ thông . Khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p>	
--	--	---	--

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP HĐQT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Minh Đức